

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 7 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Rích

Ông Châu Thanh Vũ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Loan Em, Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Mộng Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Tô Thị Ngọc U, sinh năm 19xx (có mặt)

Địa chỉ: Số A1 ấp A2, xã TH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc Thuận, sinh năm 19xx (vắng mặt)

Địa chỉ: Số T ấp C1, xã C2, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2021 của nguyên đơn là bà Tô Thị Ngọc U và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn là bà Tô Thị Ngọc U và bị đơn là ông Nguyễn Quốc Th được gia đình hai bên tổ chức tiệc cưới vào năm 2012 nhưng đến năm 2019 mới đi đăng ký kết hôn (đăng ký quá hạn) và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16 tháng 7 năm 2019. Sau khi kết hôn ông bà sống tại ấp T ấp C1, xã C2, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu chung sống với nhau rất vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng đến tháng 8 năm 2020 giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, đời sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, do ông Th không lo chí thú làm ăn, chỉ ham mê cờ bạc... Bà U đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Th vẫn không thay đổi nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có chung với nhau một người con chung là cháu Nguyễn Minh Kh, nam, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2019. Hiện tại, cháu Kh đang sống với bà U.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Tô Thị Ngọc U yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tô Thị Ngọc U yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quốc Th.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà U yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Kh, nam, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2019 đến tuổi trưởng thành. Theo đơn khởi kiện trước đây bà U yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Minh Kh mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Kh trưởng thành, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà U xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi cháu Kh.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Quốc Th: Sau khi thụ lý, Tòa án đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của bà Tô Thị Ngọc U tại Thông báo thụ lý vụ án số: 175/TB-TLVA, ngày 30 tháng 12 năm 2021 và đã tổng đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Quốc Th, cũng như đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Quốc Th đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông. Nhưng ông Th không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của bà U và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Ông Th cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng

thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn là bà Tô Thị Ngọc U thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn là ông Nguyễn Quốc Th vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Ngọc U, về việc yêu cầu xin ly hôn với ông Nguyễn Quốc Th và yêu cầu được nuôi con và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu ông Th phải cấp dưỡng nuôi con, xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nhận thấy các yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, về tài sản chung và nợ chung bà U tự trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 28 tháng 12 năm 2021 Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Thị Ngọc U lập ngày 19 tháng 5 năm 2021 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn U nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn U và thụ lý vụ án đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 19 tháng 5 năm 2021, nguyên đơn Tô Thị Ngọc U yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Nguyễn Quốc Th, sinh năm 19xx có địa chỉ tại số A1 ấp A2, xã TH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Nguyễn Quốc Th vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, nguyên đơn U yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Th theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn U trình bày trước đây nguyên đơn có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Kh đến đủ 18 tuổi, yêu cầu bị đơn Nguyễn Quốc Th phải cấp dưỡng nuôi cháu Kh mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Kh trưởng thành. Nhưng nay nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trước đây là không yêu cầu bị đơn Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[5] Xét thấy, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Tô Thị Ngọc U trình bày về quan hệ hôn nhân và con cái như sau: Nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Quốc Th được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012, nhưng đến năm 2019 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã TH, huyện MT, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 85 ngày 16 tháng 7 năm 2019, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp; nguyên đơn và bị đơn có một người con chung là cháu Nguyễn Minh Kh, sinh ngày 16 tháng 4 năm 20xx. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn U phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh của cháu Kh mà nguyên đơn U đã cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[6] Nguyên đơn Tô Thị Ngọc U yêu cầu được ly hôn với bị đơn Nguyễn Quốc Th vì vợ chồng sống chung không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã, đời sống vợ chồng đã không còn hạnh phúc, bên cạnh đó ông Th không lo chí thú làm ăn mà chỉ ham mê cờ bạc ..., bà đã nhiều lần khuyên can nhưng ông Th vẫn không thay đổi nên ông bà đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Nguyên đơn U không còn tình cảm yêu thương bị đơn Th nữa, nên yêu cầu được ly hôn bị đơn Nguyễn Quốc Th.

[7] Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân trong thời gian tương đối dài, không lo lắng, chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương bị đơn nữa, tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà U là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà U ly hôn với ông Th.

[8] Về con chung: Xét yêu cầu của bà Tô Thị Ngọc U xin được nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Minh Kh, nam, sinh ngày 16 tháng 4 năm 20xx đến tuổi trưởng thành, Hội đồng xét xử thấy, Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Xét thấy, đến ngày xét xử sơ thẩm cháu Kh mới được 39 tháng tuổi cần phải có sự trông nom, chăm sóc của cha mẹ. Trên thực tế cháu Kh đã và đang sống chung với mẹ cuộc sống của cháu đang ổn định và được đảm bảo về mọi mặt, mặt khác cháu Kh mới được 39 tháng tuổi. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà U, giao cháu Kh cho bà U tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Kh trưởng thành.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”*. Đáng lẽ ra, Th là người không trực tiếp nuôi con thì có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà U không yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Ngoài ra, Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 còn quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Như vậy, ông Th là người không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[11] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tô Thị Ngọc U tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Từ những phân tích trên, đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Tô Thị Ngọc U và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[13] Về án phí sơ thẩm: Bà Tô Thị Ngọc U là người xin ly hôn nên theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà U phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 244, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8 và Điều

9, Khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị Ngọc U

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Tô Thị Ngọc U và ông Nguyễn Quốc Th.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung cháu Nguyễn Minh Kh (nam, sinh ngày 16 tháng 4 năm 20XX) hiện đang sống chung với bà U cho bà Tô Thị Ngọc U trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Kh đủ 18 tuổi.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề này ra để xem xét.

2.3. Ông Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở ông L thực hiện quyền này, theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tô Thị Ngọc U tự khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà U phải chịu là 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003029 ngày 14/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Bà U đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND H. Châu Thành, TST;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã TH, H. Mỹ Tú, TST;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Huệ